

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06/4/2021
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **HUỲNH VĂN THANH**

Bà **NGUYỄN THỊ LOAN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay,
tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý:
618/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly
hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **DƯƠNG VĂN T**, sinh năm 1986. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **NGUYỄN THỊ G**, sinh năm 1993. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 09/12/2020, trong quá trình giải
quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Văn T trình bày:

Do quen biết anh và chị Nguyễn Thị G tiến tới hôn nhân vào năm 2014,
có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu
thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng
thường xuyên cự cãi, anh chị ly thân hơn 3 năm nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Văn X sinh ngày 06/8/2013
và Dương Gia H sinh ngày 01/10/2017, hiện nay cháu X đang sống với anh T,

còn cháu H do chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay anh Dương Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị G. Con chung anh yêu cầu nuôi cháu Dương Văn X, giao chị G nuôi cháu Dương Gia H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị G có đơn xin vắng mặt theo tờ tự khai ngày ngày 31/3/2021 chị G trình bày: Thống nhất ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh T; Con chung giao anh T nuôi cháu Dương Văn X, chị nuôi cháu Dương Gia H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Xét thấy, bị đơn chị Nguyễn Thị G cư trú: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn, con chung giữa anh T và chị G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị G theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/2014 tại Quyết số 01/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Tò yêu cầu Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau vì tính tình không hợp. Vợ chồng đã ly thân 03 năm nay. Anh T xin ly hôn chị G, phía chị G có đơn xin vắng mặt và thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng anh, chị đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị G là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Anh T và chị G có 02 con chung tên Dương Văn X

sinh ngày 06/8/2013 và Dương Gia H sinh ngày 01/10/2017, anh T và chị G thống nhất hiện nay cháu X đang sống với anh T giao anh T nuôi, còn cháu H sống với chị G giao chị G nuôi. Xét thấy, từ khi anh, chị ly thân đến nay, cháu X do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H do chị G nuôi dưỡng, mặt khác cháu X có văn bản trình bày ý kiến mong muốn sống với anh T khi cha mẹ ly hôn, đối với cháu H còn quá nhỏ, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu X cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng:** Anh T và chị G không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] **Về án phí:** Anh Dương Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Dương Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Dương Văn X sinh ngày 06/8/2013 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Dương Gia H sinh ngày 01/10/2017 cho chị G nuôi dưỡng.

- Anh T, chị G được quyền tới trông nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con, do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Dương Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006258 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Ngọc